



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

11/08/2025 – 15/08/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Dòng tiền dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình (Midcap)

- Thị trường chứng khoán toàn cầu khép lại một tuần tăng mạnh nhờ lực đẩy từ chứng khoán Mỹ (+2,4%), Châu Âu (+2,1%), Nhật Bản (+4,9%), Hàn Quốc (+2,9%), Trung Quốc đại lục (+2,1%). Trong đó, Chứng khoán Mỹ tiếp tục lập đỉnh cao mới nhờ cổ phiếu Apple, bên cạnh đó tâm lý nhà đầu tư còn được thúc đẩy bởi kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ sớm cắt giảm lãi suất. Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, thị trường đang đặt cược khả năng khoảng 90% Fed hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng 9, tăng từ mức 80,3% cách đây 1 tuần. Thị trường cũng cho rằng Fed sẽ giảm lãi suất ít nhất 2 lần trong năm nay, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm. Chốt tuần, Dow Jones tăng khoảng +1,4%, S&P 500 tăng +2,4%, và Nasdaq tăng +3,9%. Với mức tăng mạnh, cổ phiếu Apple mang lại một cú huých lớn cho cả nhóm công nghệ trong S&P 500 và Nasdaq. Cả tuần, nhà sản xuất iPhone chứng kiến giá cổ phiếu tăng 13%, sau khi hãng công bố kế hoạch đầu tư khoảng 600 tỷ USD vào Mỹ trong vòng 4 năm - một kế hoạch mà Tổng thống Donald Trump rất lấy làm hài lòng. Đây là tuần tăng mạnh nhất của cổ phiếu Apple kể từ tháng 7/2020.
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tỏ ra thờ ơ trước thông báo thuế quan mới nhất của Tổng thống Mỹ Donald Trump, một sự thay đổi rõ rệt so với đợt bán tháo mạnh ngày 02/04 khi ông lần đầu công bố thuế quan đối ứng. Những ngày qua, Mỹ đã áp thuế quan mới 10-15% với hàng nhập khẩu từ EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, đồng thời áp thuế 20% với sản phẩm từ Đài Loan, Việt Nam và Bangladesh. Chỉ số MSCI All Country World – theo dõi hơn 2.500 cổ phiếu từ các thị trường phát triển và mới nổi – vẫn tăng nhẹ 1,8% kể từ đầu tháng 8. Các kênh đầu tư trú ẩn an toàn cũng phản ứng nhẹ nhàng. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm giảm hơn 2 điểm cơ bản, chỉ số đồng USD giảm gần 2% xuống gần mốc 98, trong khi vàng giao ngay tăng gần 3%.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.584,95 điểm, tăng +89,74 điểm, tương đương tăng +6% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất của chỉ số này kể từ cuối năm 2022. Mức tăng tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Bluechips, với chỉ số VN30 tăng +7,12% trong khi nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt + 5,5% và +2,82%. Đáng chú ý, trong khi Vn30 và Midcap đã lần lượt vượt đỉnh và lập các mức cao mới thì Smallcap vẫn còn cách đỉnh 30%.
- Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần vừa qua như: Viettel (+11,3%), Xây dựng và VLXD (+9,4%), BĐS (+8,9%), Hóa chất (+8,9%), ... ở chiều ngược lại, chỉ có 2 nhóm đi ngược thị trường gồm: Công nghệ (-1,2%), Logistics (-0,1%).
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 56.129 tỷ đồng, tăng +1,3% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh giảm -1,8% còn 51.405 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 7 tăng +104% vsck và tăng + 68,5% so với tháng 6, đạt 39.500 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 27.573 tỷ đồng, tăng +30,8% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +19% so với cùng kỳ.

Dòng tiền dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình (Midcap)

- Khối ngoại bán ròng -12.319 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 3 liên tiếp. Kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã bán ròng tổng cộng gần 6.000 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -49.785 tỷ đồng. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với HPG (+1.379 tỷ đồng), VPB (+451 tỷ đồng), STB (+449 tỷ đồng), MWG (+392 tỷ đồng), trong khi bán ròng VIC (-12.506 tỷ đồng), FPT (-1.398 tỷ đồng), VHM (-283 tỷ đồng), KDH (-208 tỷ đồng), ...
- Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: VNM (+168 tỷ đồng), MSN (+165 tỷ đồng), KDH (+32 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: VPB (-694 tỷ đồng), BSR (-368 tỷ đồng), VIB (-301 tỷ đồng).
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 15,3 lần, thấp hơn mức bình quân 5 năm (15,4 lần). Mức P/E dự phóng (Forward) hiện tại ở mức 12,9 lần, cao hơn so với bình quân 5 năm (11,9 lần). Nhìn chung, mức định giá hiện tại không còn rẻ dù vẫn thấp hơn so với khi Vn-Index ở vùng 1.500 điểm năm 2021, hệ số P/E (ttm) khi đó ở vùng 20 -21 lần và P/E dự phóng 16 - 17 lần.
- Nhận định thị trường: Thị trường có tuần bứt phá mạnh mẽ, loại bỏ những nghi ngờ sau tuần điều chỉnh dưới ngưỡng 1.500 điểm. Mức tăng gần +90 điểm của chỉ số Vn-Index trong tuần vừa qua ghi nhận tuần tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2022. Dù tăng trọn cả 5 phiên nhưng diễn biến điều chỉnh cũng đã xuất hiện ở một số phiên trong tuần vừa qua. Tuy vậy thị trường đều vượt qua áp lực chốt lời từ lượng hàng khổng lồ về tài khoản. Sở dĩ, thị trường có thể ngược dòng thành công về chỉ số (chốt phiên đóng cửa tăng giá) là do dòng tiền mới vẫn đổ vào thị trường, thanh khoản bình quân toàn thị trường hiện vẫn lập các mức cao mới: thanh khoản tháng 7 khoảng 39.000 tỷ đồng, những phiên đầu tháng 8 đã tăng lên mức 54.500 tỷ đồng, thậm chí thị trường đã hấp thụ tốt những phiên có lượng hàng trên 80.000 tỷ đồng về tài khoản. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng tích cực, các nhịp điều chỉnh (nếu có) cũng nhanh chóng được thị trường vượt qua, thậm chí ngay trong phiên do nền thanh khoản đang ở ngưỡng cao kỷ lục và vượt xa hần đỉnh cao trước đó hồi covid. Tuần vừa qua, chỉ số VN-Index tăng 6% thì nhóm Vn30 tăng tới 7,12% trong khi nhóm Midcap và Smallcap chỉ tăng lần lượt 5,5% và 2,82%. Đáng chú ý, phiên cuối tuần khi thị trường ngược dòng thành công, nhóm cổ phiếu Midcap mới là nhóm cổ phiếu tăng mạnh trong khi Vn30 giảm nhẹ. Đây có thể là dấu hiệu của sự dịch chuyển dòng tiền ở nhóm cổ phiếu tăng mạnh như Vn30 sang nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, trong đó nổi bật là các nhóm cổ phiếu chưa tăng nhiều như: dầu khí, phân bón, sản xuất và phân phối điện. Tổng thể, cũng đến lúc dòng tiền đi tìm những cơ hội ở các nhóm cổ phiếu đang có nền tích lũy hoặc chưa tăng trong khi một số nhóm cổ phiếu mang tính dẫn dắt đã có mức tăng khá tốt 30-40% chỉ trong vòng 1 tháng vừa qua. Đây có thể là giai đoạn dòng tiền đi vào các cổ phiếu cụ thể, nhà đầu tư có thể bỏ qua tác động từ chỉ số chung. Theo đó, nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, đặc biệt là nhóm cổ phiếu đầu cơ như BDS, Thép có thể thu hút thêm dòng tiền trong tuần này. Về kỹ thuật, vùng hỗ trợ cho thị trường ở khu vực 1.550 – 1.562 điểm, vùng cản trên ở khu vực 1.600 – 1.623 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Đây có thể là giai đoạn dòng tiền dịch chuyển sang các nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao như BDS hoặc nhóm cổ phiếu chưa tăng nhiều/tích lũy trong thời gian vừa qua như: Dầu khí, BDS KCN, Viettel, Thủy sản, Đầu tư công, ... Trong kịch bản thị trường tiếp tục tăng mạnh, nhà đầu tư lại quay lại đối với các nhóm cổ phiếu mang tính dẫn dắt như: chứng khoán, ngân hàng, thép, ...

Các sự kiện chính trong tuần này (11/08 – 15/08)

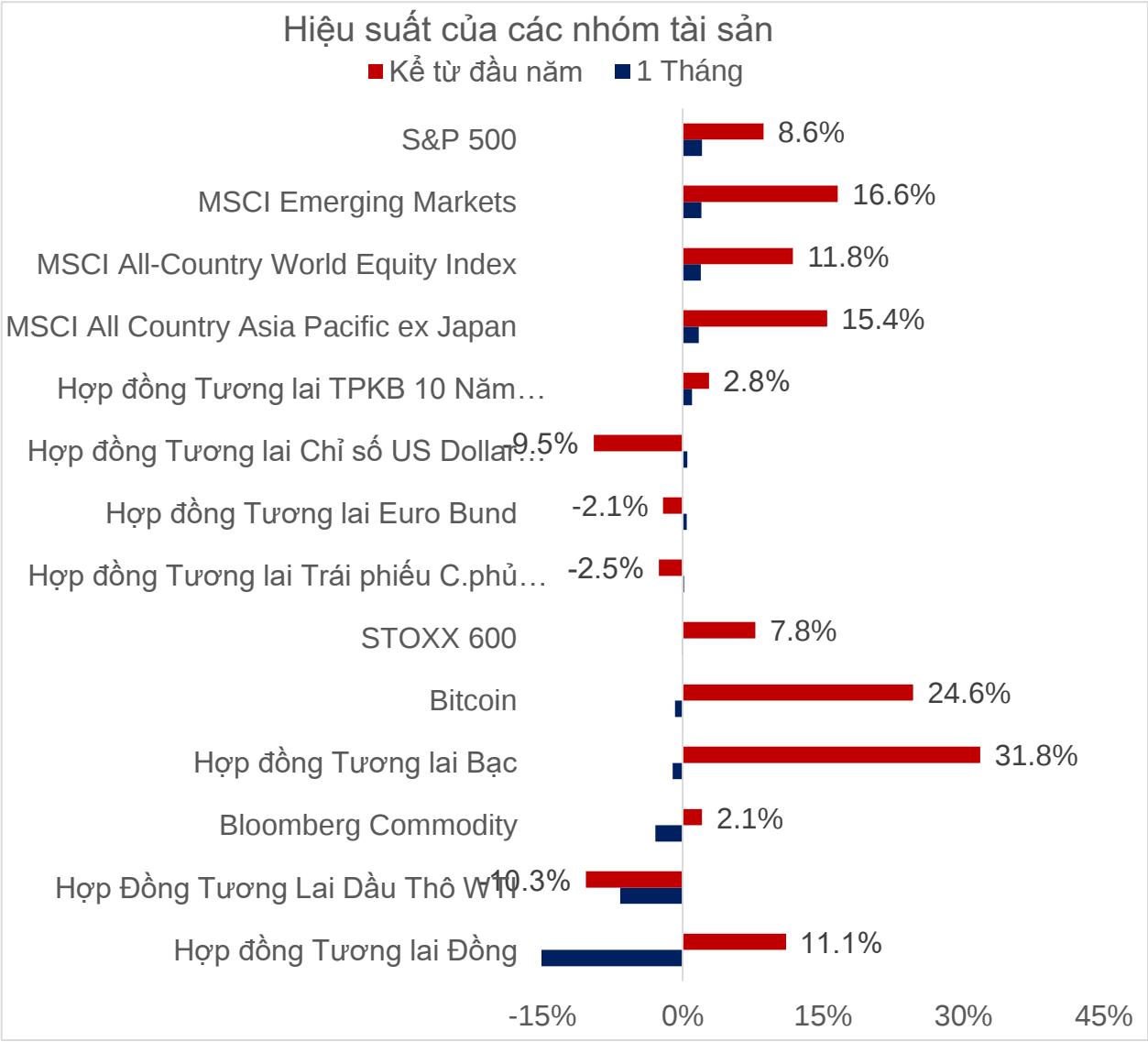
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
11	12  Úc: Quyết định lãi suất của RBA  Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 6)  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 7)	13  Đức: Chỉ số giá tiêu dùng (tháng 7)	14  Mỹ: Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Châu Âu: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q2)  Anh: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q2)  Úc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 7)	15  Nhật Bản: Tăng trưởng GDP sơ bộ (Q2)  Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 7)  Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 7)  Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan sơ bộ (tháng 8)

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	940.51	2.5%	2.0%	11.8%	19.5%
Dow Jones	44,175.61	1.4%	-0.4%	3.8%	11.8%
S&P 500	6,389.45	2.4%	2.1%	8.6%	19.6%
Europe	547.08	2.1%	-0.1%	7.8%	9.6%
Japanese	41,820.48	4.9%	5.7%	4.8%	19.4%
Korea	3,210.01	2.9%	1.1%	33.8%	24.0%
China	3,635.13	2.1%	3.6%	8.5%	27.0%
HongKong	24,858.82	1.4%	3.0%	23.9%	45.5%
Taiwan	24,021.26	2.5%	5.6%	4.3%	11.9%
Indian	24,363.30	-0.8%	-3.1%	3.0%	0.0%
Singapore	4,239.83	2.1%	3.7%	11.9%	30.0%
Malaysia	1,556.98	1.5%	1.4%	-5.2%	-2.5%
Indonesia	7,533.39	-0.1%	6.9%	6.4%	3.8%
Thailand	1,259.07	3.3%	12.3%	-10.1%	-2.9%
Philippine	6,339.38	0.5%	-1.9%	-2.9%	-4.6%
Vietnam	1,584.95	6.0%	8.7%	25.1%	29.5%
Brent Oil	66.59	-4.4%	-5.4%	-10.8%	-16.4%
Crude Oil WTI	63.88	-4.6%	-6.7%	-10.3%	-15.5%
Gold	3,491.30	2.2%	3.8%	32.2%	43.1%
S&P 500 VIX	15.15	-25.7%	-7.6%	-12.7%	-25.6%
Dollar Index	98.01	-0.9%	0.5%	-9.5%	-4.8%
U.S. 10Y	4.28	1.5%	-3.2%	-6.3%	8.7%
U.S. 2Y	3.76	1.5%	-4.0%	-11.3%	-7.4%

Nguồn: Update 10/08, Investing, MBS Research



THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	63.35	-5.9%	-7.4%	-11.7%	-17.6%
BrentUSD/Bbl	66.11	-5.1%	-5.8%	-11.4%	-17.0%
Natural gasUSD/MMBtu	2.9954	-2.8%	-6.8%	-17.6%	39.8%
GasolineUSD/Gal	2.0672	-1.9%	-5.6%	2.7%	-13.7%
Heating OilUSD/Gal	2.2689	-1.4%	-5.8%	-2.1%	-3.1%
CoalUSD/T	113.2	-1.5%	2.7%	-9.6%	-22.5%
TTF GasEUR/MWh	32.16	-5.3%	-6.2%	-36.3%	-19.7%
UK GasGBP/thm	78.824	-6.0%	-3.9%	-37.1%	-19.5%
EthanolUSD/Gal	1.7825	2.0%	2.7%	5.5%	0.1%
NaphthaUSD/T	555.85	-1.1%	-0.5%	-9.1%	-15.5%
PropaneUSD/Gal	0.67	-4.1%	-9.7%	-13.4%	-10.8%
UraniumUSD/Lbs	71.95	0.7%	-1.8%	-1.4%	-11.8%
MethanolCNY/T	2383	-0.4%	0.0%	-13.9%	-2.6%
Urals OilUSD/Bbl	63.17	-8.3%	-4.9%	-7.8%	-15.4%

Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3397.3	1.0%	2.5%	29.5%	39.8%
SilverUSD/t.oz	38.335	3.5%	5.4%	32.7%	39.7%
CopperUSD/Lbs	4.463	1.1%	-18.0%	12.1%	11.8%
SteelCNY/T	3207	-0.2%	4.9%	-3.1%	6.9%
LithiumCNY/T	71900	0.8%	13.6%	-4.2%	-7.2%
Iron Ore CNYCNY/T	772.5	-2.5%	3.8%	-0.8%	4.2%
PlatinumUSD/t.oz	1326.9	0.8%	-3.0%	48.4%	43.4%
HRC SteelUSD/T	830.03	-2.0%	-5.9%	17.1%	22.1%
Iron OreUSD/T	101.22	1.7%	6.2%	-2.3%	0.0%
TitaniumCNY/KG	49	-1.0%	-3.0%	10.1%	1.0%

Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3484	-4.4%	-3.9%	-5.6%	-3.0%
CobaltUSD/T	33335	0.0%	0.0%	37.2%	25.8%
LeadUSD/T	2006.7	1.6%	-2.6%	2.8%	-1.5%
AluminumUSD/T	2615.8	1.7%	0.4%	2.5%	13.7%
TinUSD/T	33736	3.1%	1.0%	16.0%	10.6%
ZincUSD/T	2832.1	3.6%	3.2%	-4.9%	3.5%
NickelUSD/T	15115	0.6%	0.8%	-1.2%	-6.4%
MolybdenumCNY/Kg	490	-1.6%	12.1%	4.5%	2.6%
PalladiumUSD/t.oz	1118	-7.3%	-2.0%	25.8%	25.8%
RhodiumUSD/t.oz.	7075	2.5%	24.7%	54.6%	51.3%
PolyethyleneCNY/T	7294	-0.6%	0.5%	-14.4%	-12.2%
PolyvinylCNY/T	5005	-0.7%	2.4%	1.6%	-9.7%
PolypropyleneCNY/T	7066	-0.7%	0.1%	-4.2%	-6.4%
Soda AshCNY/T	1264	-1.7%	7.7%	-17.3%	-32.6%
NeodymiumCNY/T	655000	1.2%	17.0%	31.8%	40.1%
TelluriumCNY/Kg	605	0.0%	-1.6%	-6.2%	-22.4%
UreaUSD/T	442.5	-3.8%	1.1%	31.1%	39.2%
Di-ammoniumUSD/T	805	0.1%	10.6%	39.4%	49.1%

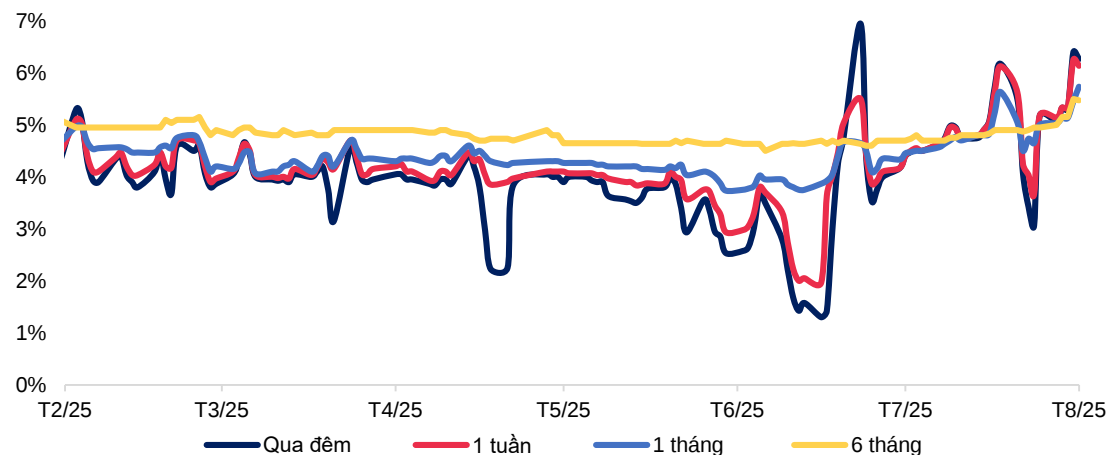
Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	362.63	-1.9%	-2.4%	1.6%	12.1%
LME IndexIndex Points	4193.6	1.5%	0.9%	7.4%	9.1%
GSCIIndex	538.01	-1.4%	-2.5%	-2.1%	-0.8%
SSE Consume Commodity	8228.7	-1.0%	4.8%	4.5%	11.8%
Containerized Freight	1550.7	0.0%	-12.1%	-37.0%	-52.3%
Nuclear Energy IndexUSD	40.07	4.1%	9.1%	49.7%	61.6%
Solar Energy IndexUSD	36.68	0.5%	-4.9%	8.9%	-6.9%
EU Carbon PermitsEUR	73.21	3.1%	4.0%	0.3%	4.4%
Wind Energy IndexUSD	18.97	-1.0%	5.9%	28.2%	13.3%

Nguồn: Update 08/08, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

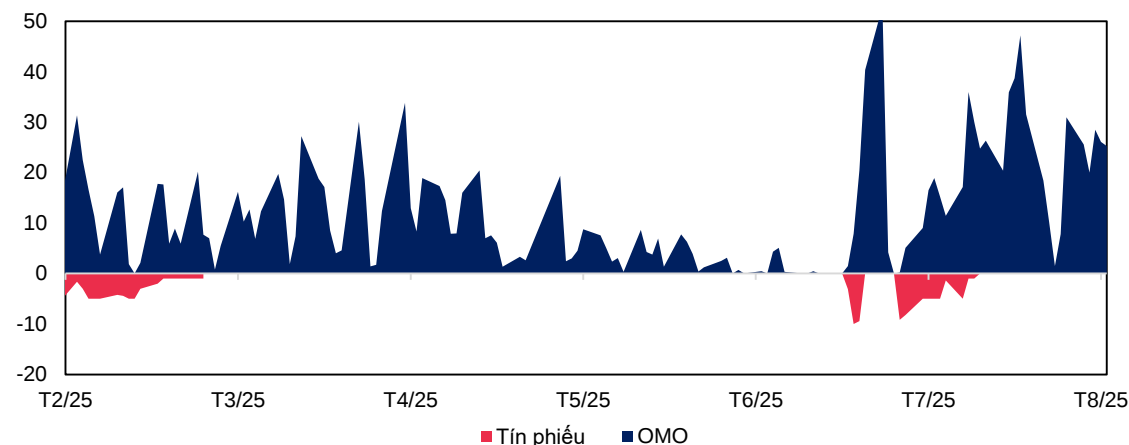
- Tuần vừa qua NHNN đã quay trở lại bơm ròng nhẹ trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng liên tục neo ở mức cao. Cụ thể, Nhà điều hành đã bơm vào hệ thống khoảng gần 125.5 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO với các kỳ hạn 7 - 91 ngày với lãi suất 4%. Cùng với đó, khối lượng đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 118.4 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã bơm ròng hơn 7.1 nghìn tỷ đồng trong tuần 04 - 08/08. Tính đến thời điểm hiện tại, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố là 216,221.10 tỷ đồng và không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Bất chấp động thái bơm ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng vẫn duy trì đà tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm bật tăng 1.1 đpt so với cuối tuần trước lên mức 6.3%. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng tăng từ 0.7 – 1 đpt so với cuối tuần trước, hiện dao động trong khoảng 5.7% - 6.1%, trong khi lãi suất kỳ hạn dài 6 tháng tăng 0.5 đpt lên mức 5.5%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

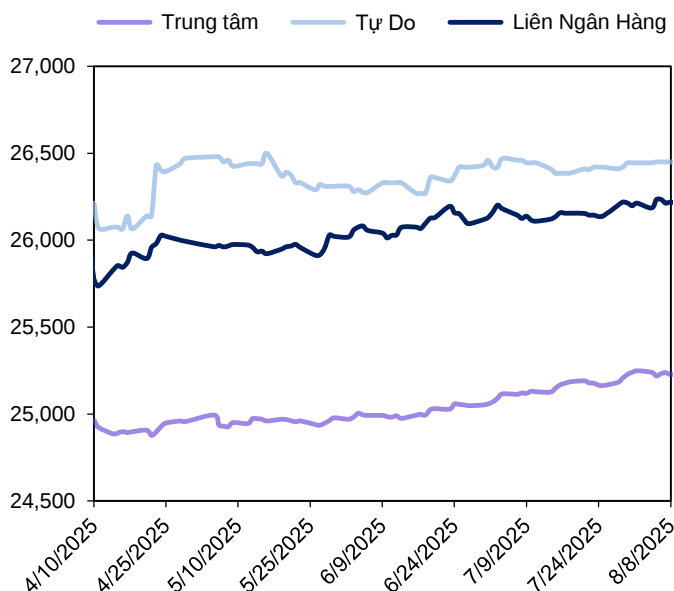


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

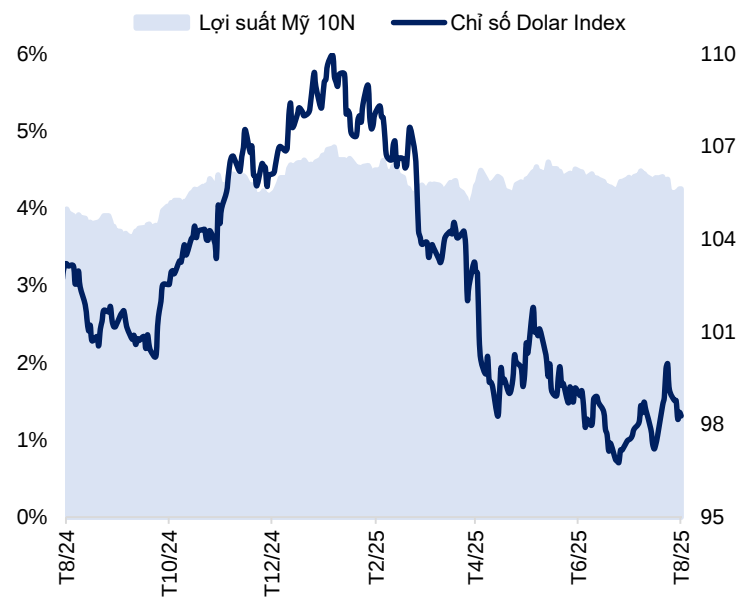
Trong tuần qua, chỉ số DXY chịu áp lực giảm mạnh sau báo cáo việc làm gây thất vọng. Cụ thể, tăng trưởng việc làm tại Mỹ trong tháng 7 yếu hơn kỳ vọng, trong khi số liệu bảng lương phi nông nghiệp của hai tháng trước đó bị điều chỉnh giảm tới 258,000 việc làm, cho thấy thị trường lao động đang suy yếu rõ rệt. Theo đó, giới đầu tư gia tăng đặt cược vào khả năng Fed sẽ cắt giảm lãi suất 25 đcb vào tháng 9 với xác suất gần 94%, cao hơn nhiều so với mức 48% cách đó một tuần. Ngoài ra, đồng USD cũng chịu sức ép từ môi trường hoạch định chính sách vẫn đầy bất ổn trong bối cảnh một Thống đốc Cục Dự trữ Liên bang từ chức, và việc Tổng thống Mỹ Donald Trump sa thải một quan chức thống kê cấp cao sau dữ liệu việc làm yếu kém trong tháng 7. Do đó, chỉ số DXY đã giảm 0.9 đpt so với cuối tuần trước về mức 98.2. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng tăng nhẹ 5 đcb lên mức 26,218 VND/USD (+3% ytd). Tỷ giá tại thị trường tự do hiện ở mức 26,450 VND/USD (+2.7% ytd), trong khi tỷ giá trung tâm niêm yết tại 25,228 VND/USD (+3.6% ytd).

Tỷ giá USD/VND



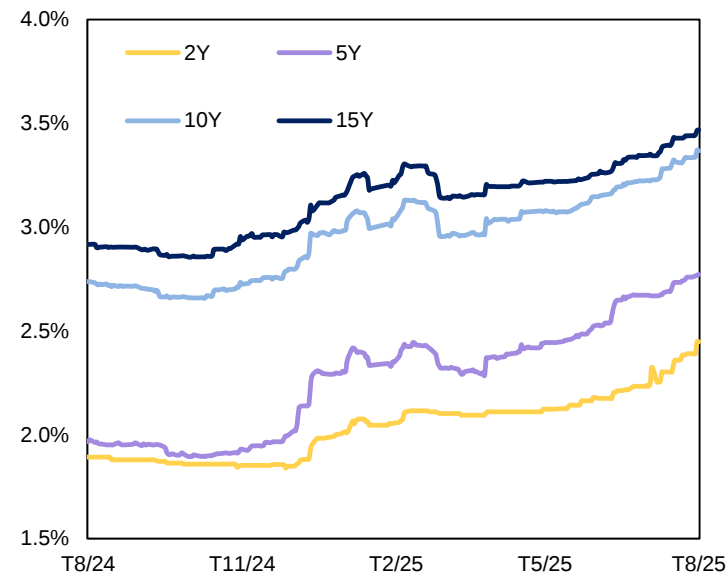
Nguồn: NHNN, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

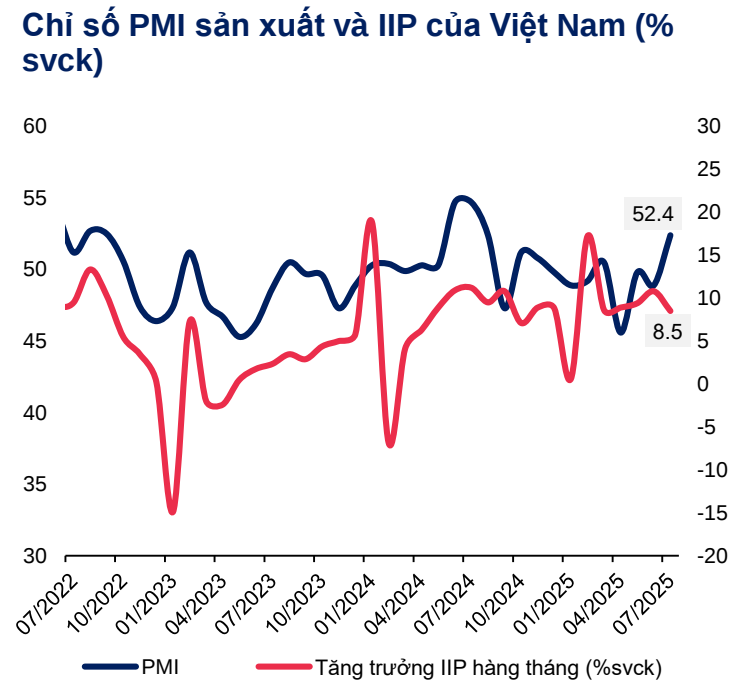
Lợi suất TPCP



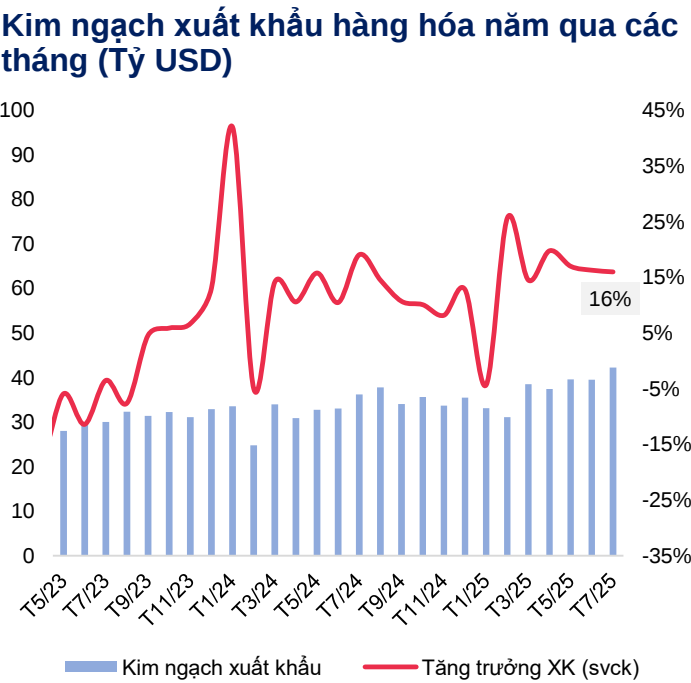
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

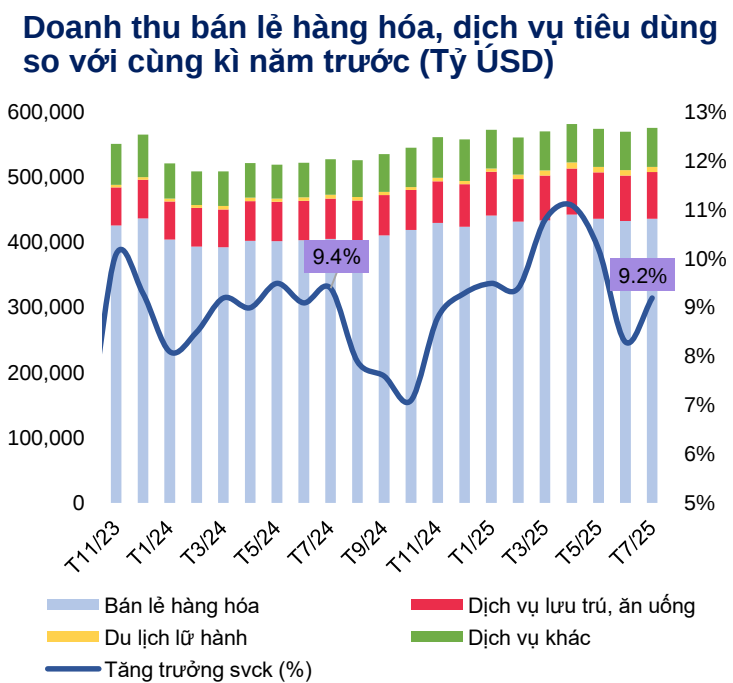
- Trong T7/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 42.27 tỷ USD (+16% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 40 tỷ USD (+17.8% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 10.18 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T7/25 ước tính tăng 0.5% so với tháng trước và tăng 8.5% svck. Cùng với đó, chỉ số PMI đã tăng lên trên ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong bốn tháng khi đạt 52.4 điểm trong T7 nhờ số lượng đơn hàng mới tăng trở lại với mức tăng mạnh nhất với tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 11 năm ngoái.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.2% svck trong T7. Lũy kế 7T2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.3% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 7.1% svck.



Nguồn: TCTK, MBS Research



Nguồn: TCTK, MBS Research



Nguồn: TCTK, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

MBS VIETNAM MACRO SNAPSHOT		Tháng 7/2025
 IIP ▲ 8.5%	PMI ▲ 52.4	- Chỉ số PMI tăng lên trên ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong 4 tháng khi đạt 52.4 điểm trong tháng 7 nhờ số lượng đơn hàng mới tăng trở lại. Điều này diễn ra bất chấp số lượng đơn hàng XK mới giảm tháng thứ 9 liên tiếp do thuế quan. - Chỉ số IIP T7/25 ước tính tăng 0.5% so với tháng trước và tăng 8.5% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 8.6% svck.
 Xuất siêu T7/25 2.27 tỷ US\$ Lũy kế thặng dư 10.18 tỷ US\$	Xuất khẩu T7/25 42.27 tỷ US\$ ▲ 16% svck Lũy kế 262.44 tỷ US\$ Nhập khẩu T7/25 40 tỷ US\$ ▲ 17.8% svck Lũy kế 252.26 tỷ US\$	Lũy kế từ đầu năm, kim ngạch xuất khẩu đạt 262.44 tỷ USD (+14.8% svck). Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+117.6% svck); Điện tử, máy tính và linh kiện (+41.9% svck); Sản phẩm từ sắt thép (+30.2% svck). Trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 252.26 tỷ USD (+17.9% svck). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 10.18 tỷ USD, tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái với mức xuất siêu 14.54 tỷ USD.
 Lạm phát T7/25 ▲ 3.2% svck Bình quân từ đầu năm ▲ 3.26% svck	Chỉ số CPI tháng 7 tăng 3.19% svck - hạ nhiệt đáng kể so với mức tăng 3.6% trong tháng 6. Đà tăng của CPI hạ nhiệt chủ yếu nhờ: giá xăng, dầu giảm 12.8% theo giá thế giới; giá thịt lợn giảm 0.5% do nguồn cung tăng mạnh trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp khiến các hộ chăn nuôi tăng cường bán chạy dịch. Các yếu tố chính đóng góp vào mức tăng của CPI trong tháng bao gồm: giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (cát, đá xây dựng,...) tăng 8.5% do thiếu hụt nguồn cung; giá nhà ở thuê tăng 7.2%; giá điện sinh hoạt tăng 8.9% sau đợt tăng giá điện vào T5/25. Lạm phát bình quân 7T25 tăng 3.26% svck - thấp hơn nhiều so với mức tăng 4.1% trong 7T24; lạm phát cơ bản tăng 3.2% svck.	
 FDI đăng ký cấp mới T7/25 0.74 tỷ US\$ Lũy kế 10.03 tỷ US\$ ▼ 11.1% svck FDI giải ngân T7/25 1.88 tỷ US\$ Lũy kế 13.6 tỷ US\$ ▲ 8.4% svck	- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam 7T25 đạt 24.09 tỷ USD (+27.3% svck). - Vốn FDI thực hiện trong bảy tháng đầu năm 2025 là mức cao nhất của bảy tháng trong 5 năm qua.	Đầu tư công T7/25 76.5 nghìn tỷ đồng ▲ 30.1% svck Lũy kế từ đầu năm giải ngân 378.3 nghìn tỷ đồng ▲ 25.4% svck ☀️ 40.7% KH năm
 Bán lẻ, dịch vụ T7/25 ▲ 9.2% svck Lũy kế ▲ 9.3% svck, nếu loại trừ yếu tố giá ▲ 7.1% svck	 Khách quốc tế đến Việt Nam T7/25 1.56 triệu lượt người ▲ 35.7% svck Lũy kế 12.23 triệu lượt người ▲ 22.5% svck	

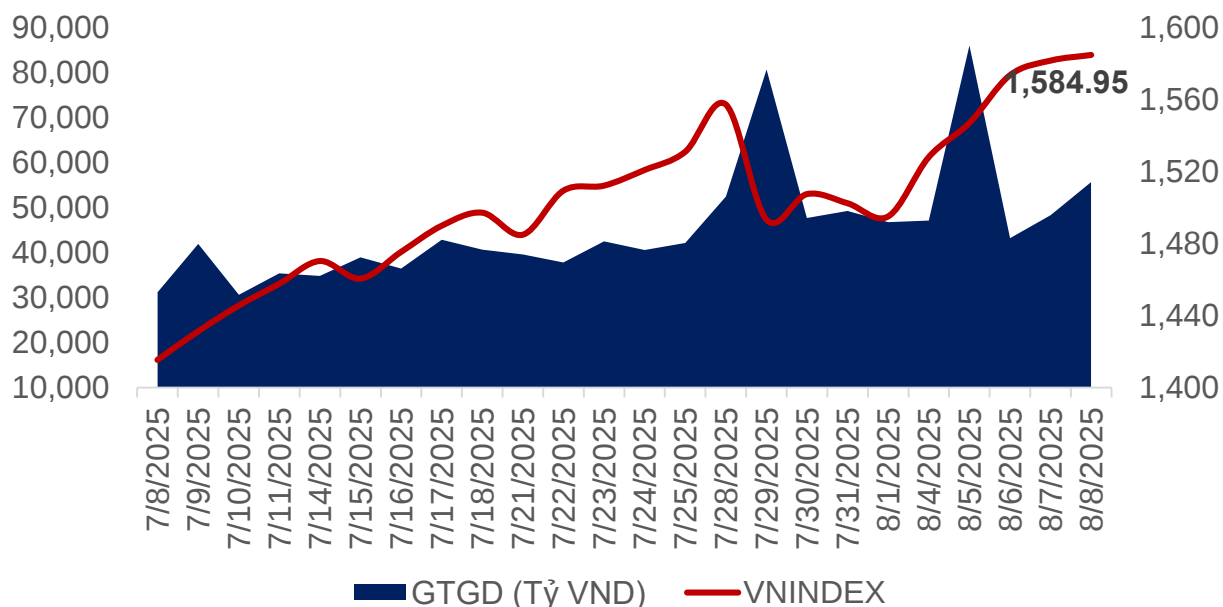
Chỉ số Vn-Index vừa có tuần tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2022, thanh khoản tiếp tục lập mức kỷ lục mới

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.584,95 điểm, tăng +89,74 điểm, tương đương tăng +6% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất của chỉ số này kể từ cuối năm 2022. Mức tăng tập trung chủ yếu ở nhóm cổ phiếu Bluechips, với chỉ số VN30 tăng +7,12% trong khi nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap cũng tăng lần lượt +5,5% và +2,82%. Đáng chú ý, trong khi Vn30 và Midcap đã lần lượt vượt đỉnh và lập các mức cao mới thì Smallcap vẫn còn cách đỉnh 30%.

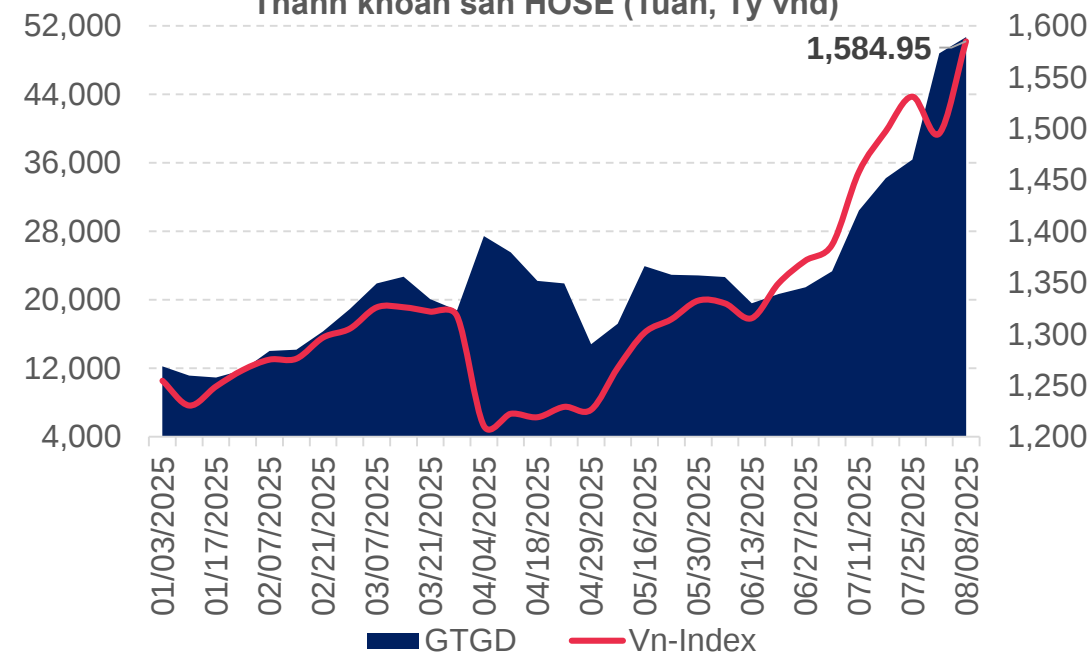
Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh trên thị trường trong tuần vừa qua như: Viettel (+11,3%), Xây dựng và VLXD (+9,4%), BĐS (+8,9%), Hóa chất (+8,9%), ... ở chiều ngược lại, chỉ có 2 nhóm đi ngược thị trường gồm: Công nghệ (-1,2%), Logistics (-0,1%).

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 56.129 tỷ đồng, tăng +1,3% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh giảm -1,8% còn 51.405 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản tháng 7 tăng +104% vsck và tăng + 68,5% so với tháng 6, đạt 39.500 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 27.573 tỷ đồng, tăng +30,8% so với mức bình quân năm 2024, và tăng +19% so với cùng kỳ.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)

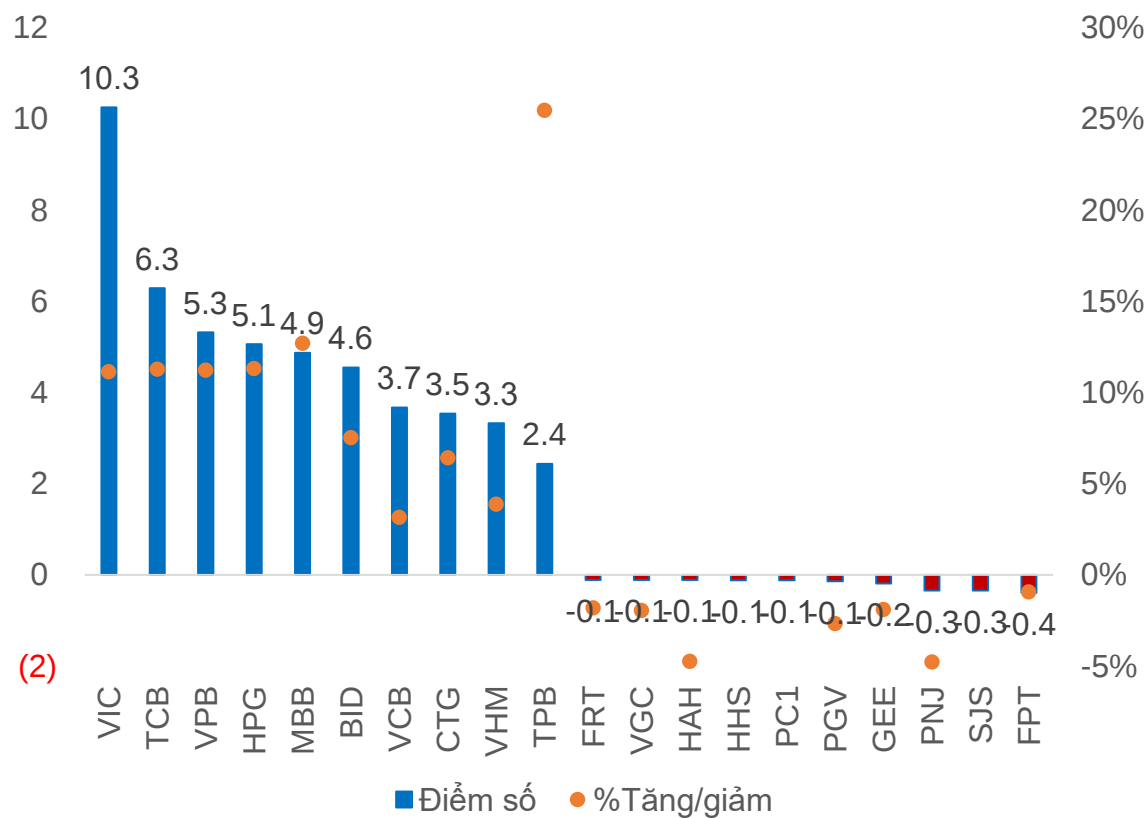


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



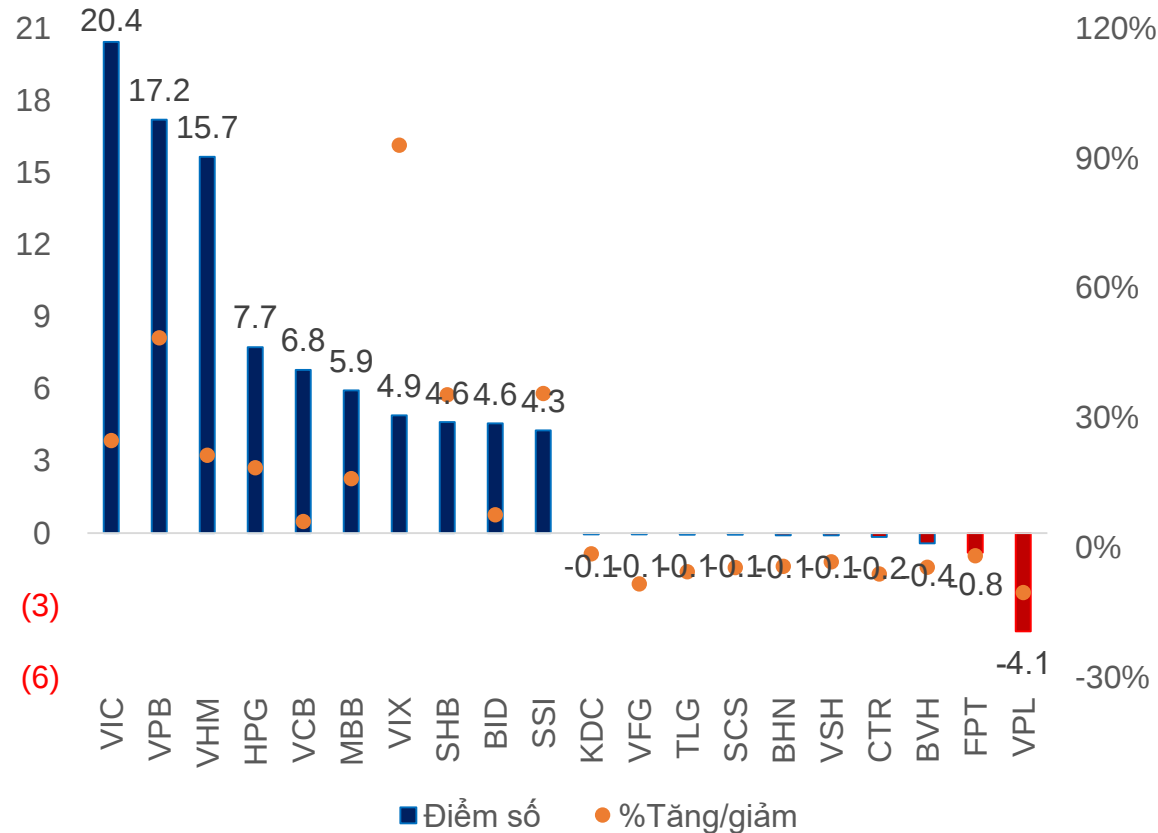
Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số Vn-Index trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +89,74 điểm (+6%) của Vn-Index 1 tuần qua



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +177 điểm (+12,63%) của Vn-Index 1 tháng qua

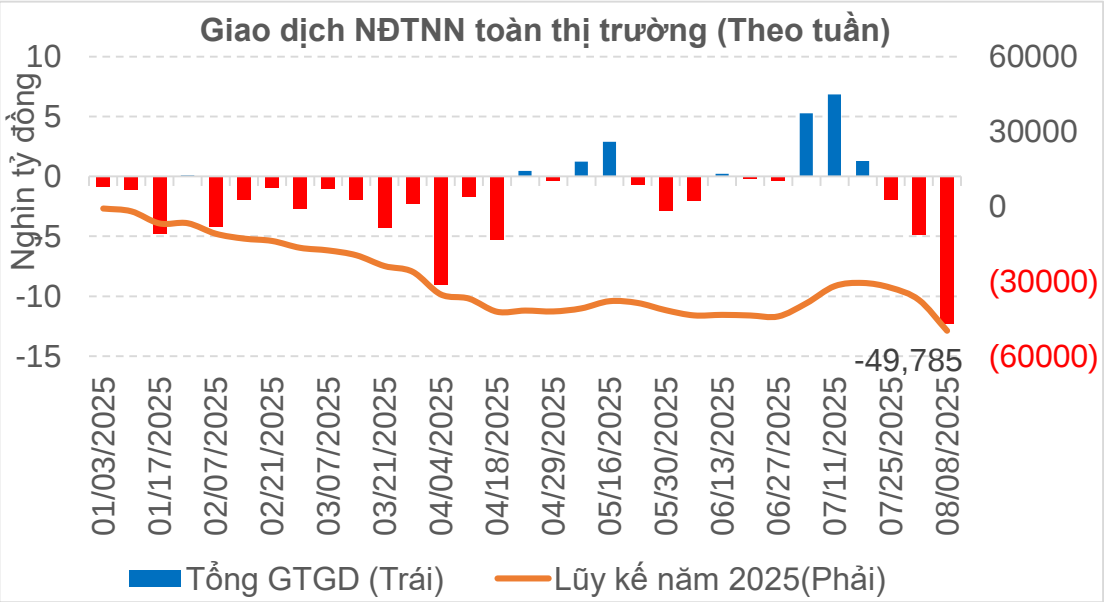
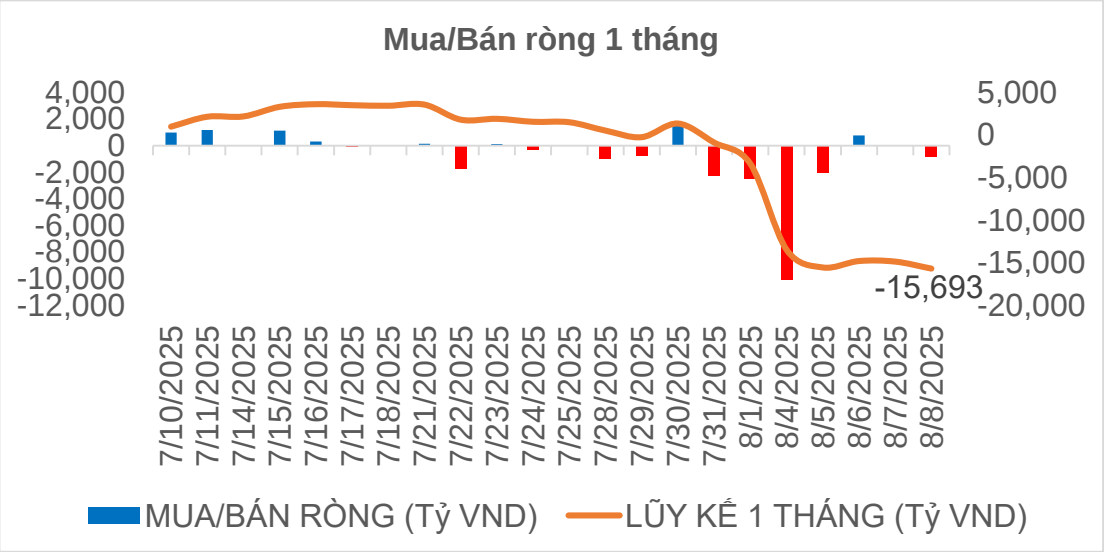


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -12.319 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 3 liên tiếp, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -49.785 tỷ đồng



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Jun-25			17,577	18,652	27,258	54,887
India	6-Aug-25	-502	-549	-714	-3,566	-11,721	-14,850
Indonesia	7-Aug-25	41	39	35	-477	-3,714	-2,670
Japan	1-Aug-25		1,309	1,309	17,447	24,452	-9,109
Malaysia	7-Aug-25	-69	-234	-237	-458	-3,186	-4,118
Philippines	7-Aug-25	3	-1	-2	-31	-625	-532
S. Korea	8-Aug-25	-98	324	-225	4,293	-5,075	-19,529
Sri Lanka	7-Aug-25	0.1	-0.4	-1	-21	-60	-76
Taiwan	7-Aug-25	1,495	2,038	2,209	10,483	4,554	-4,829
Thailand	7-Aug-25	-9	196	138	637	-1,700	-2,507
Vietnam	7-Aug-25	3	-446	-532	-234	-1,776	-2,931

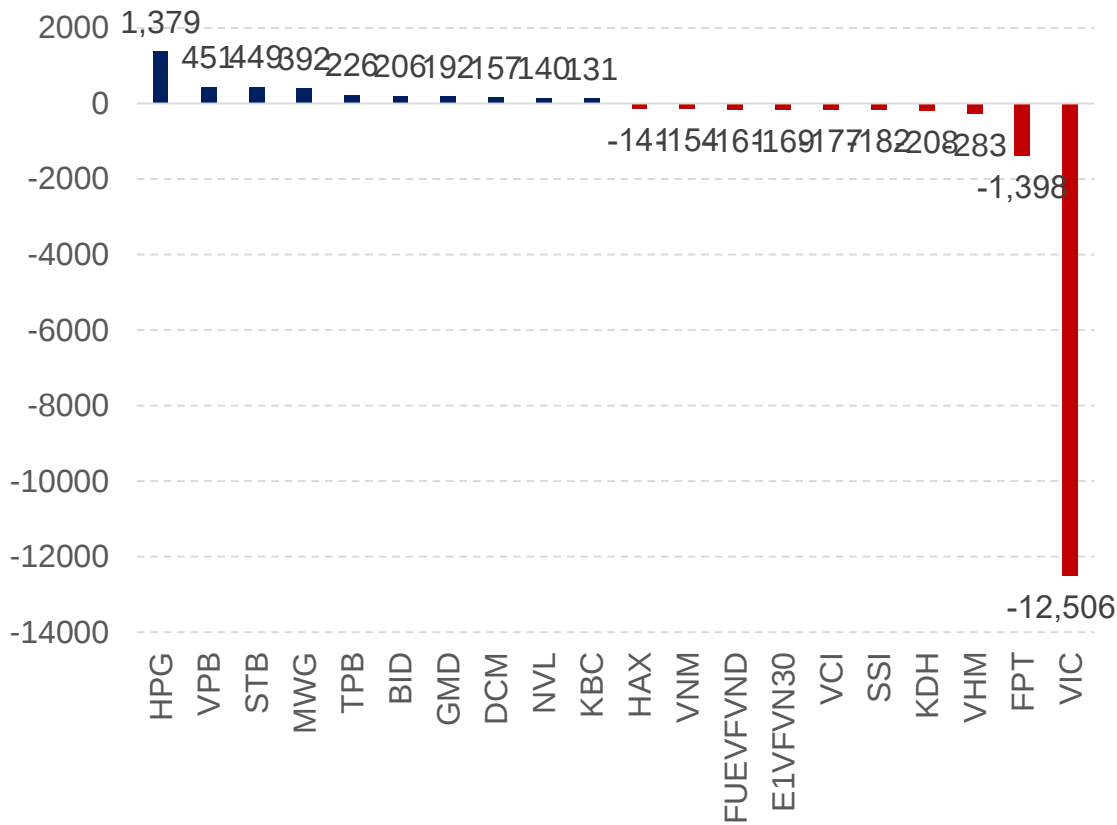
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



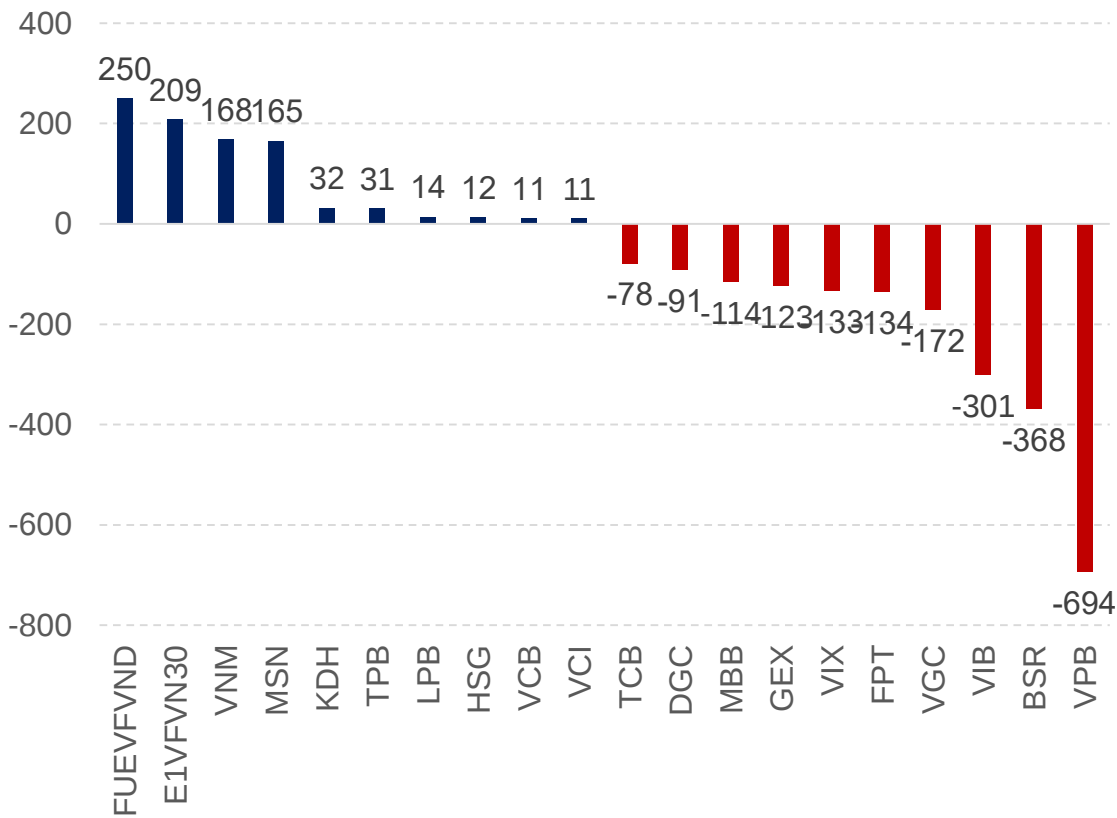
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhóm cổ phiếu được khối ngoại mua/bán ròng nhiều nhất kể từ khi giải ngân trở lại (2/7)

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng (2/7 - 7/8)	Tổng GTGD Ròng (04/8 - 07/08)	Tổng room NN (CP)	Room NN còn lại (CP)	1W (%)	1M (%)	YTD (%)
SSI	35.5	2,796	-182	1,973,863,918	1,174,337,339	6.93	31.24	36.28
VPB	29.6	1,922	451	2,380,177,080	341,921,719	14.53	50.77	58.09
SHB	18.7	1,410	-108	1,219,724,100	1,004,794,915	7.18	31.8	109.51
HDB	28.1	1,127	30	614,274,894	31,352	3.89	19.36	10
FUEVFNVD	37.6	1,055	-161	374,200,000	18,092,915	7.65	9.53	12.08
NVL	18.6	859	140	955,551,223	736,845,634	7.54	18.15	80.98
MWG	72.0	746	392	725,049,656	1,157,667	10.43	8.68	19.73
TPB	19.4	723	226	792,586,858	138,965,875	23.25	38.21	24.67
VNM	60.8	707	-154	2,089,955,445	1,066,712,792	1.33	3.05	-0.71
VND	23.9	647	-75	1,522,299,908	1,257,441,018	7.43	33.99	95.26
STB	54.0	421	449	565,564,714	184,436,056	9.31	13.33	46.34
VRE	30.0	367	45	1,141,121,020	710,481,460	5.45	16.28	74.93
ACB	24.3	365	6	1,540,996,979	3,400	5.43	8.99	12.48
DXG	21.4	352	-27	510,315,837	247,065,269	8.63	24.42	67.64
MSB	15.4	328	27	780,000,000	37,274,975	14.07	21.26	32.19
NLG	42.4	311	40	192,537,652	3,437,432	5.47	7.34	17.55
HCM	27.9	276	57	353,197,650	74,899,796	7.31	16.49	22.77
FRT	151.5	240	-27	66,758,770	21,546,859	-1.94	1.66	2.05
DIG	22.8	235	0	316,751,283	286,209,565	9.35	23.24	27.78
VIX	28.5	215	-28	1,531,429,858	1,338,066,077	8.37	88.12	204.39

Nguồn: FinX, MBS Research

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng (2/7 - 7/8)	Tổng GTGD Ròng (04/8 - 07/08)	Tổng room NN (CP)	Room NN còn lại (CP)	1W (%)	1M (%)	YTD (%)
TCH	24.8	197	-47	340,790,079	260,559,111	7.83	7.83	63.7
HPG	28.0	195	1,319	3,760,978,268	2,046,462,214	11.33	13.36	26.17
DCM	41.5	188	157	259,406,000	229,106,990	16.08	22.78	23.42
VCG	26.4	170	-32	316,769,484	257,274,869	-0.19	15.32	62.55
HDC	36.1	148	16	87,393,933	76,223,021	0.98	36.48	44.11
DPM	28.4	147	10	195,700,000	162,265,511	18.97	31.84	46.53
HSG	19.5	141	5	304,281,331	244,702,031	5.41	10.48	8.78
KBC	33.3	133	131	461,459,831	320,973,683	5.56	20.91	22.24
MSN	76.7	123	-13	1,520,491,927	1,134,442,892	5.79	1.46	9.57
BCM	70.6	123	39	351,900,000	329,525,297	1	4.59	-0.42
EVF	14.0	123	0	114,084,870	101,265,588	4.48	25	53.85
HAH	58.2	122	-66	38,968,325	31,348,699	-4.42	9.83	54.87
VSC	25.1	119	64	183,441,477	167,747,857	-2.52	48.52	103.64
DPG	45.8	-163	-8	49,391,525	45,605,684	3.62	2.23	61.72
VHC	58.5	-273	81	224,453,159	179,293,379	5.03	0	-17.02
PLX	38.2	-298	4	258,775,616	44,821,759	6.7	2.41	5.28
GVR	30.6	-324	7	520,000,000	492,174,362	3.03	2	0.82
CTR	94.0	-348	-59	56,049,080	47,544,916	4.44	-9.09	-24.5
CTG	47.7	-488	51	1,610,997,524	164,830,537	7.67	7.43	26.19
GEX	60.3	-532	-54	451,199,474	380,077,530	7.87	52.66	237.74
E1VFN30	30.4	-534	-169	211,800,000	32,233,960	7.42	14.85	29.47
KDH	31.7	-688	-208	561,107,449	191,133,487	14.44	15.18	-3.33
VCB	61.9	-704	54	2,506,702,528	670,901,223	2.82	4.92	1.55
VHM	94.8	-858	-283	2,053,706,002	1,627,088,103	5.45	19.7	137
VJC	121.5	-1,636	15	162,483,400	119,760,424	2.1	27.89	21.5
FPT	105.6	-2,278	-1,398	725,851,759	138,818,981	-1.31	-2.49	-19.71
VIC	117.0	-12,016	-12,506	1,862,402,462	1,710,768,091	12.5	25.4	188.53

Nguồn: FinX, MBS Research

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn có dấu hiệu trở lại chủ yếu ở ETF Diamond

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	550.06	USD	17.00	6.75%	48.87%	46.57%	0.00	32.23	26.04	-35.39	-87.85
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18.81	VND	30,273.37	6.32%	36.33%	50.65%	-0.32	-0.03	-2.67	-5.04	-13.05
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	329.86	EUR	30.67	4.40%	28.78%	34.95%	-2.99	-4.21	-17.27	-28.79	-45.65
DCVFMVN30 ETF Fund	249.34	VND	30,297.22	5.72%	28.28%	36.91%	0.00	-11.02	-23.89	-67.86	-106.54
Fubon FTSE Vietnam ETF	561.53	TWD	15.00	6.80%	28.26%	32.48%	-33.50	-85.94	-99.42	-190.33	-268.40
DCVFMVN Diamond ETF	521.76	VND	36,257.78	4.14%	8.74%	15.46%	22.95	48.02	48.92	7.20	17.82
MAFN VN30 ETF	38.39	VND	20,806.35	6.32%	28.19%	38.58%	0.00	-0.16	-0.23	3.11	15.18
KIM Growth VN30 ETF	86.62	VND	11,587.79	6.67%	30.10%	39.26%	0.00	-2.73	-4.65	-1.57	8.76
	2,356.37						-13.87	-23.83	-73.17	-318.69	-479.74

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

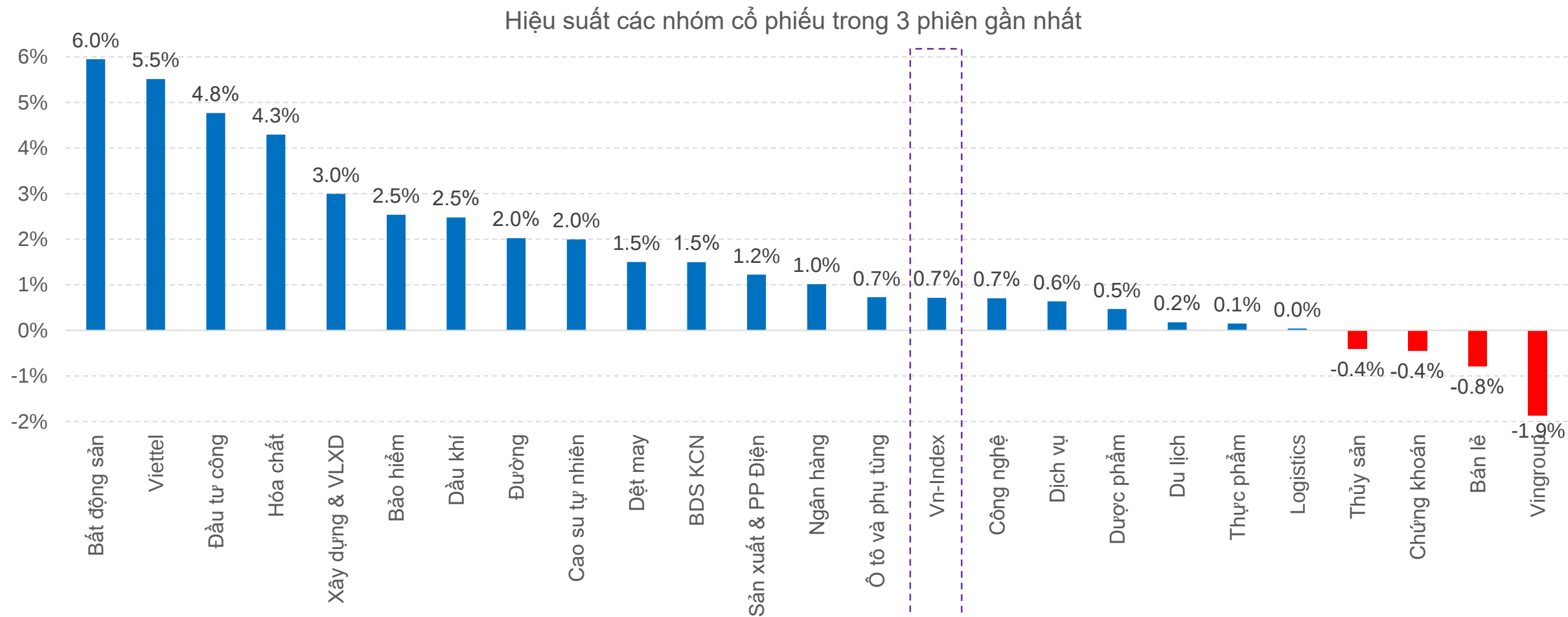
	08/08/2025	08/01/2025	07/25/2025	07/18/2025	07/11/2025
Dầu khí	22.9%	50.5%	26.0%	13.9%	32.7%
Ngân hàng	9.8%	32.0%	17.0%	-3.4%	54.8%
Chứng khoán	-6.2%	39.9%	9.6%	15.1%	42.3%
Bất động sản	-9.3%	40.2%	-18.7%	62.3%	37.8%
Dệt may	2.4%	23.8%	9.4%	-3.5%	-36.5%
Bán lẻ	0.3%	58.1%	-10.7%	22.6%	-8.4%
Vingroup	8.2%	16.1%	-16.5%	29.1%	67.4%
Xây dựng & VLXD	44.6%	51.9%	4.4%	-16.2%	117.3%
Thực phẩm	-12.5%	8.5%	14.7%	3.7%	45.5%
Thủy sản	58.2%	-15.7%	56.1%	-4.5%	-34.2%
Logistics	-26.6%	26.2%	45.0%	23.6%	12.0%
Dược phẩm	-32.3%	36.6%	-2.4%	10.5%	2.8%
Sản xuất & PP Điện	-16.5%	42.4%	22.0%	30.2%	24.2%
Đầu tư công	-3.4%	28.2%	5.1%	46.6%	12.2%
Hóa chất	13.4%	-11.4%	35.3%	0.5%	15.6%
Cao su tự nhiên	-39.2%	-2.1%	18.6%	36.9%	-44.6%
Bảo hiểm	16.1%	34.1%	31.4%	7.0%	-1.7%
Ô tô và phụ tùng	-26.8%	147.3%	-25.4%	27.2%	11.4%
Dịch vụ	12.6%	1.9%	55.0%	-5.1%	53.5%
BDS KCN	-14.2%	64.9%	2.5%	11.2%	-19.7%
Viettel	-0.6%	49.0%	-19.2%	7.2%	16.2%
Du lịch	-27.6%	2.7%	26.7%	-2.8%	21.1%
Công nghệ	-11.5%	50.0%	1.1%	-32.3%	22.1%
Đường	-24.6%	40.2%	23.8%	16.7%	7.3%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	08/08/2025	08/01/2025	07/25/2025	07/18/2025	07/11/2025
Dầu khí	3.5%	2.9%	2.6%	2.2%	2.1%
Ngân hàng	24.2%	22.4%	22.8%	20.8%	24.0%
Chứng khoán	20.3%	21.9%	21.1%	20.5%	19.9%
Bất động sản	12.4%	13.9%	13.3%	17.4%	12.0%
Dệt may	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.7%
Bán lẻ	3.2%	3.3%	2.8%	3.3%	3.0%
Vingroup	3.3%	3.1%	3.5%	4.5%	3.9%
Xây dựng & VLXD	10.3%	7.2%	6.4%	6.5%	8.7%
Thực phẩm	3.2%	3.7%	4.6%	4.3%	4.6%
Thủy sản	1.0%	0.6%	1.0%	0.7%	0.8%
Logistics	2.8%	3.9%	4.1%	3.0%	2.7%
Dược phẩm	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%
Sản xuất & PP Điện	1.7%	2.1%	2.0%	1.7%	1.5%
Đầu tư công	2.8%	2.9%	3.1%	3.1%	2.4%
Hóa chất	2.9%	2.6%	3.9%	3.1%	3.4%
Cao su tự nhiên	0.1%	0.2%	0.3%	0.3%	0.2%
Bảo hiểm	0.2%	0.2%	0.2%	0.1%	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.6%	0.9%	0.5%	0.7%	0.6%
Dịch vụ	1.2%	1.1%	1.4%	1.0%	1.1%
BDS KCN	2.1%	2.5%	2.1%	2.1%	2.2%
Viettel	0.8%	0.8%	0.7%	1.0%	1.0%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	2.6%	3.0%	2.7%	2.8%	4.7%
Đường	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Trong 2 phiên cuối tuần, chỉ số Vn-Index liên tục tiệm cận vùng 1.590 điểm nhưng một số nhóm cổ phiếu không tăng thêm như Vingroup, Bán lẻ, chứng khoán, Thủy sản. Thay vào đó, dòng tiền chọn nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao như BĐS, hoặc chưa tăng như Viettel.

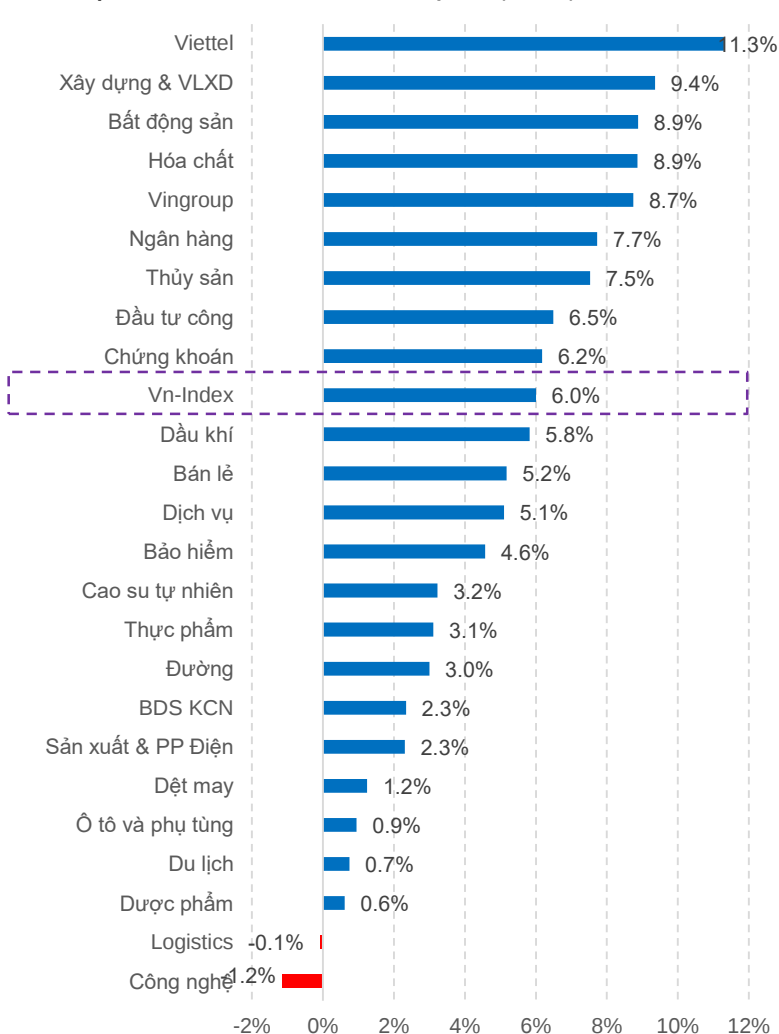


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

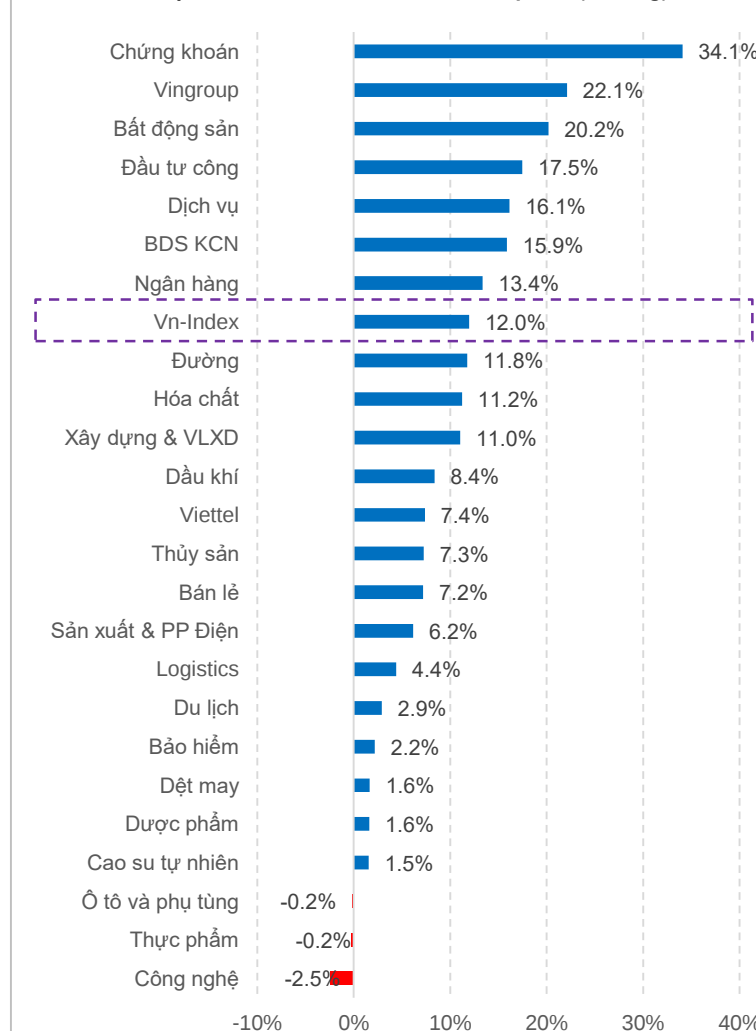


Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

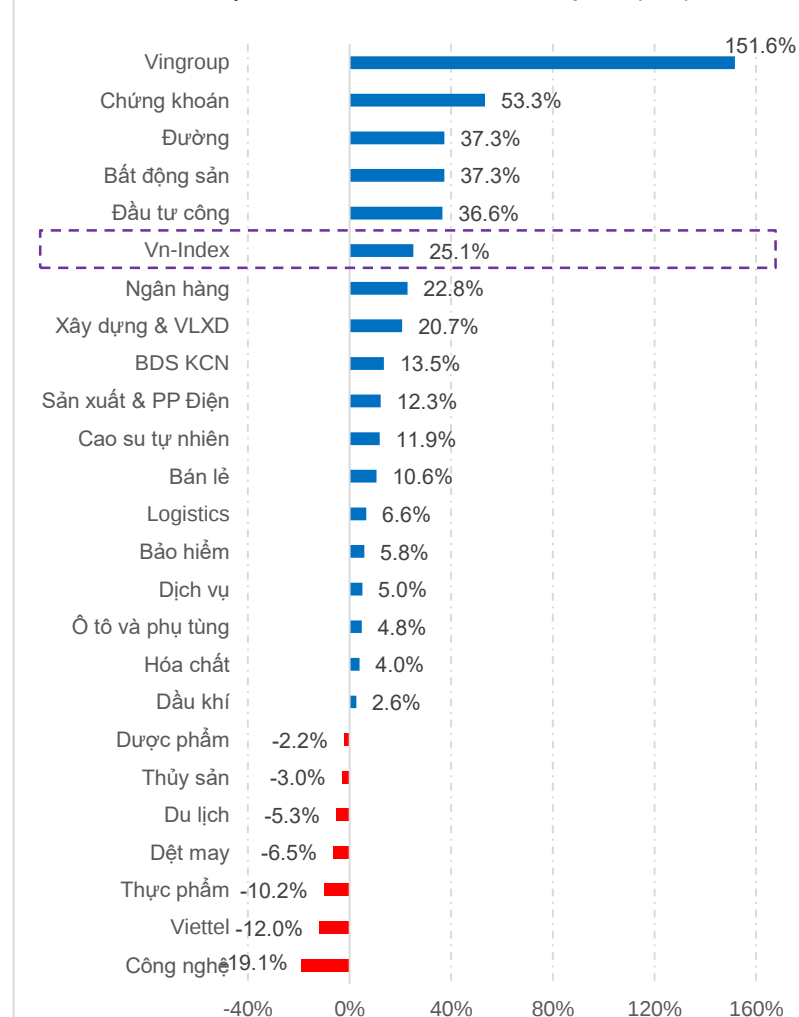
Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tuần)



Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tháng)



Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (YTD)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

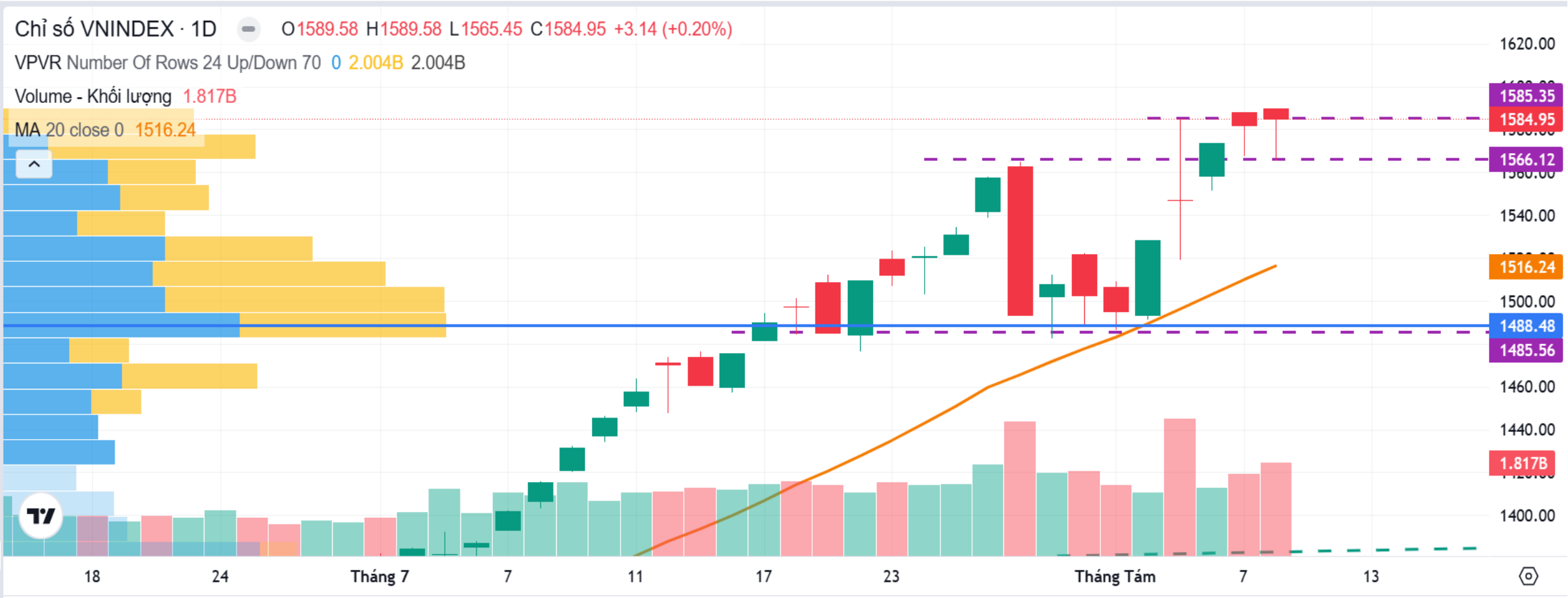


Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (08/08)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1584.95	6.0	12.0	25.1	
1	HPG	28.00	11.3	13.4	26.2	3,320
2	SSI	35.50	6.9	31.2	36.3	2,315
3	SHB	18.65	7.2	31.8	109.5	2,033
4	TCB	37.85	11.0	7.2	53.6	1,545
5	VIX	28.50	8.4	88.1	204.4	1,534
6	VPB	29.55	14.5	50.8	58.1	1,364
7	SHS	23.40	8.8	64.8	116.1	1,255
8	TPB	19.35	23.3	38.2	24.7	1,178
9	VND	23.85	7.4	34.0	95.3	1,161
10	MBB	30.55	12.5	15.7	40.1	1,049
11	FPT	105.60	-1.3	-2.5	-19.7	985
12	GEX	60.30	7.9	52.7	237.7	954
13	STB	54.00	9.3	13.3	46.3	918
14	MWG	72.00	10.4	8.7	19.7	866
15	VCI	45.50	2.4	21.2	38.0	840

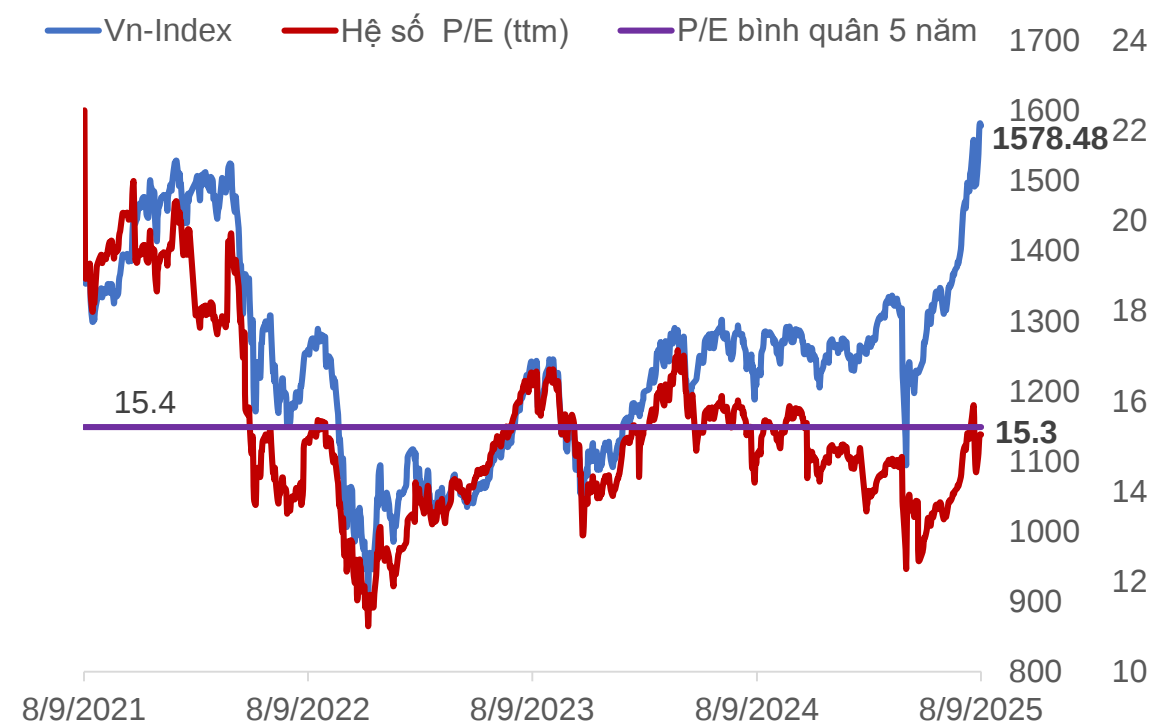
STT	MCK	Giá đóng cửa (08/08)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	MSN	76.70	5.8	1.5	9.6	833
17	CEO	25.60	15.2	42.8	103.4	714
18	NVL	18.55	7.5	18.2	81.0	693
19	CII	17.90	23.8	34.4	46.5	670
20	DIG	22.80	9.4	23.2	27.8	651
21	HDB	28.05	3.9	19.4	10.0	612
22	HCM	27.90	7.3	16.5	22.8	610
23	CTG	47.70	7.7	7.4	26.2	609
24	DXG	21.40	8.6	24.4	67.6	608
25	VCB	61.90	2.8	4.9	1.6	591
26	VSC	25.10	-2.5	48.5	103.6	567
27	VIC	117.00	12.5	25.4	188.5	553
28	VHM	94.80	5.5	19.7	137.0	550
29	BID	39.70	6.7	5.9	5.7	543
30	ACB	24.25	5.4	9.0	12.5	499

Trong kịch bản cơ bản: Quán tính tăng của thị trường chậm lại, dòng tiền đi vào phân hóa hoặc dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao. Chỉ số Vn-Index khả năng chỉ kiểm nghiệm ngưỡng tâm lý 1.600 điểm. Trong kịch bản lạc quan, đà tăng vẫn mạnh mẽ, các đỉnh cao mới có thể ở vùng 1.620 – 1.650 điểm. Vùng hỗ trợ cho thị trường ở thời điểm hiện tại ở khu vực 1.550 – 1.562 điểm.



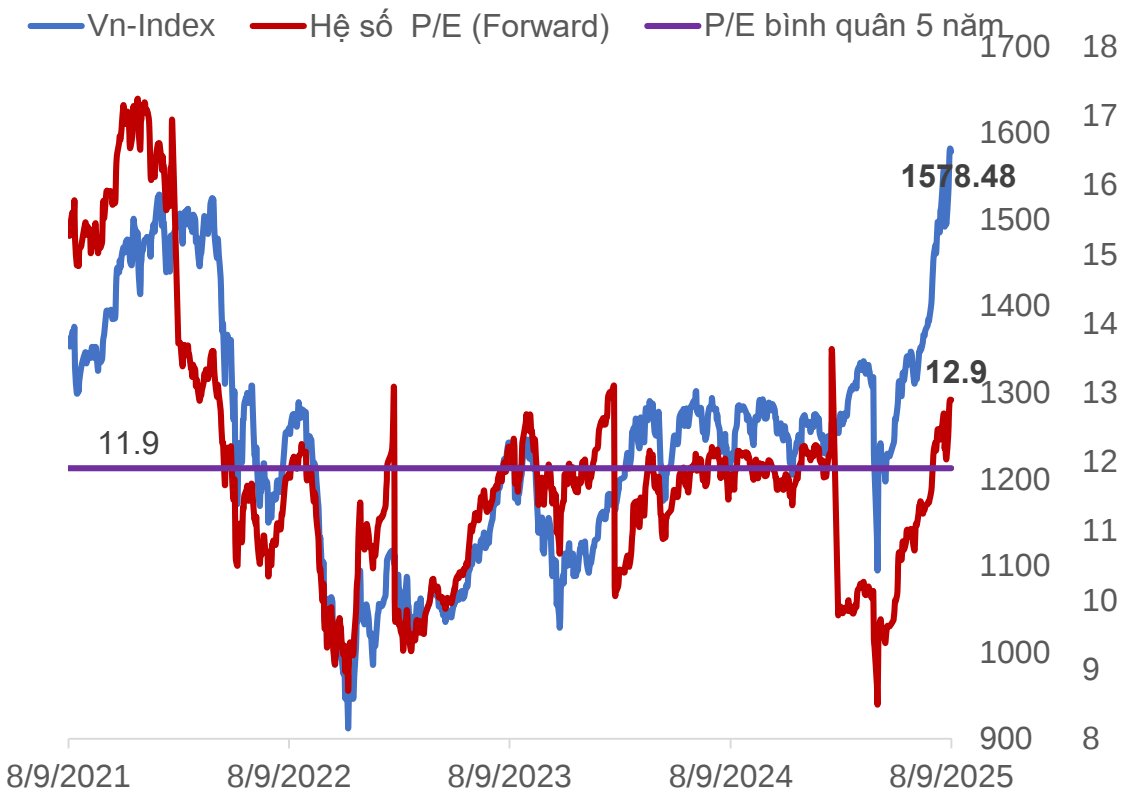
Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, forward, lần)

Hệ số P/E TTM trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

Hệ số P/E forward trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 8 là khá cao với 5 năm liên tiếp gần đây thị trường đều tăng điểm. Tuy vậy, với mức tăng tốt nhất trong vòng 10 năm vừa qua tập trung ở tháng 7, thị trường trong tháng 8 được kỳ vọng sẽ đi ngang và tạo một vùng dao động.

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	5.01				
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

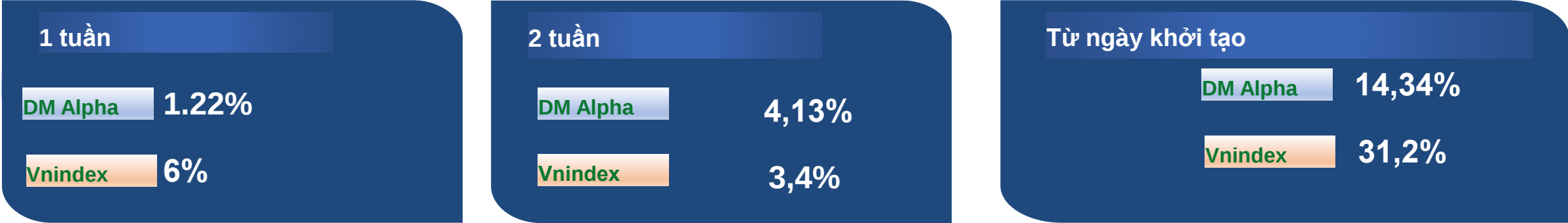
Nguồn: Bloomberg

👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
ACB	22,400	7/16/2025	28,000	21,500	25.00%	-4.02%	15	8/8/2025	24,250	8.26%	ACB

ACB Chúng tôi giữ nguyên mức P/B mục tiêu ở mức 1.3x nhờ ROE vẫn duy trì vượt 20%, qua đó hàm ý rằng mức P/B hiện tại ở mức 1.1x đang rất hấp dẫn cho đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng